UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2686/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 07 tháng 11 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Danh sách thí sinh trúng tuyển, kỳ thi tuyển công chức tỉnh Thái Bình năm 2014.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1735-QĐ/TU ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc phê duyệt chỉ tiêu thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện năm 2014;

Căn cứ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thi tuyển công chức tỉnh Thái Bình năm 2014;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 1292/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2014 về việc phê duyệt chỉ tiêu, chuyên ngành cần tuyển công chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và công chức cấp xã năm 2014; số 2497/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2014 về việc ban hành Quy chế xét tuyển nguyện vọng 2, kỳ thi tuyển công chức tỉnh Thái Bình năm 2014;

Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Thái Bình năm 2014 tại Tờ trình số 551/TTr-HĐTT ngày 07 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách thí sinh trúng tuyển, kỳ thi tuyển công chức tỉnh Thái Bình năm 2014 với tổng số 249 thí sinh; trong đó:

- Khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện: 19 thí sinh (Phụ lục I kèm theo);

- Khối hành chính cấp tỉnh, cấp huyện: 90 thí sinh (Phụ lục II kèm theo);

- Cấp xã: 140 thí sinh (Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Danh sách thí sinh trúng tuyển, kỳ thi tuyển công chức tỉnh Thái Bình năm 2014 đã được phê duyệt:

1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ

a) Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy Danh sách thí sinh trúng tuyển công chức khối Đảng, đoàn thể theo Phụ lục I, Điều 1 Quyết định này để Thường trực Tỉnh uỷ chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu thực hiện việc tuyển dụng công chức đối với các thí sinh đã trúng tuyển theo đúng quy định;

b) Thực hiện việc tuyển dụng công chức đối với các thí sinh có tên tại Phụ lục II, Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Giao Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện việc tuyển dụng công chức đối với các thí sinh trúng tuyển vào công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý có tên tại Phụ lục III, Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các thí sinh có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Phụ lục 1

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÔNG CHỨC KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH CẤP HUYỆN, KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	Đỗ NV2
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	CV.0027	Phan Thị Hải Hà		06/04/1992	Phòng Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		60	76	53	84	54	108		245	Phòng Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	
2	CV.0866	Trần Thanh Tâm	10/05/1984		Văn phòng, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	Xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình		60	92	63	96	63	126		285	Văn phòng, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	
3	CV.1009	Vũ Thị Hồng		17/06/1992	Phòng Thương mại, Sở Công thương	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		56	84	55	80	53	106		241	Phòng nghiệp vụ I, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	x
4	CV.0767	Lại Thị Diệu Linh		03/08/1990	Văn phòng hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		88	88	69	100	59	118		287	Văn phòng hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
5	CV.0096	Lê Thị Phượng		14/10/1990	Văn phòng Huyện ủy Tiền Hải	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		68	84	57	96	56	112		265	Văn phòng Huyện ủy Tiền Hải	
6	CV.0092	Bùi Thị Mỹ Phương		14/02/1992	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiền Hải	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		56	84	90	88	68	136		314	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiền Hải	
7	CV.0094	Phạm Thị Phương		26/08/1992	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiền Hải	Xã Đông Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình		68	76	53	80	51	102		235	Ban Tổ chức Huyện ủy Tiền Hải	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	Đỗ NV2
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
8	CV.0070	Bùi Thị Minh		19/5/1990	Ban Tổ chức Thành ủy Thái Bình	Xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội		56	84	74	64	52	104		242	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện uỷ Tiền Hải	x
9	CV.0034	Cao Thị Hiền		15/02/1990	Ban Tổ chức Huyện ủy Quỳnh Phụ	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Hợp Tiến, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	CBB	52	76	58	72	50	100	20	250	Ban Tổ chức Huyện ủy Quỳnh Phụ	
0	CV.0077	Nguyễn Thị Nga		04/02/1987	Ban Tổ chức Huyện ủy Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		68	72	59	88	54	108		255	Ban Tổ chức Huyện ủy Quỳnh Phụ	
1	CV.0093	Lã Thị Phương		23/02/1991	Ban Tổ chức Huyện ủy Quỳnh Phụ	Xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		68	60	50	80	51	102		232	Ban Tổ chức Huyện ủy Quỳnh Phụ	
2	CV.0075	Đào Thị Nga		18/8/1991	Ban Dân vận Huyện ủy Quỳnh Phụ	Xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		60	84	50	96	60	120		266	Ban Dân vận Huyện ủy Quỳnh Phụ	
3	CV.0116	Mai Thị Thu		10/12/1991	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Huyện uỷ Quỳnh Phụ	Xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		84	88	69	92	68	136		297	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Huyện uỷ Quỳnh Phụ	
4	CV.0095	Tống Thị Thu Phương		26/7/1987	Ban Tổ chức Thành ủy Thái Bình	Phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	76	68	84	52	104		256	Ban Tổ chức Thành ủy Thái Bình	
5	CV.0089	Bùi Thị Nhiệm		26/7/1990	Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Khối, Đảng uỷ Khối các Cơ quan tỉnh	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		76	84	68	92	54	108		268	Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Khối, Đảng uỷ Khối các Cơ quan tỉnh	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	Đỗ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
16	CV.0112	Trần Thị Thêm		01/01/1984	Khoa Nhà nước và pháp luật, Trường Chính trị tỉnh	Xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		88	88	67	80	61	122		269	Khoa Nhà nước và pháp luật, Trường Chính trị tỉnh	
7	CV.0097	Bùi Thị Quỳ		30/7/1989	Khoa Dân vận, Trường Chính trị tỉnh	Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình		84	84	50	68	51	102		220	Khoa Dân vận, Trường Chính trị tỉnh	
8	CV.0088	Trần Thị Nhâm		09/06/1991	Khoa Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Trường Chính trị tỉnh	Xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương		64	84	65	72	51	102		239	Khoa Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Trường Chính trị tỉnh	
9	CV.0103	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		22/8/1989	Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		84	96	63	92	63	126		281	Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh	

Phụ lục 2

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	Đ N
		Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
											TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	1
CV.1039	Trịnh Thị Vân		28/02/1991	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Công thương	Xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Phương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		72	100	54	88	71	142		284	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Công thương	
CV.0171	Nguyễn Thị Bích Vân		19/01/1991	Phòng Kỹ thuật- An toàn môi trường, Sở Công thương	Xã Thuỵ Xuân, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình	Xã Thuỵ Xuân, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình	CTB	88	92	70	76	94	188	20	354	Phòng Kỹ thuật- An toàn môi trường, Sở Công thương	
CV.1025	Mai Thu Phương		19/8/1992	Phòng Xuất nhập khẩu- Hội nhập kinh tế, Sở Công thương	Xã Nghĩa Hùng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		88	88	59	88	84	168		315	Phòng Xuất nhập khẩu- Hội nhập kinh tế, Sở Công thương	
CV.1013	Nguyễn Thị Hương		27/07/1991	Phòng Thương mại, Sở Công thương	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		68	84	57	92	51	102		251	Phòng Thương mại, Sở Công thương	
CV.0996	Phạm Thị Linh Chi		08/11/1991	Phòng Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp, Sở Công thương	Xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	84	57	92	54	108		257	Phòng Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp, Sở Công thương	
CV.0212	Trần Văn Thắng	12/02/1992		Phòng Báo chí, Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông	Xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình		96	100	67	92	79	158		317	Phòng Báo chí, Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông	
CV.0203	Phạm Thị Huê		26/09/1987	Phòng Báo chí, Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông	Xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		68	88	64	92	62	124		280	Phòng Báo chí, Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông	
CV.0912	Hà Thị Thuý		31/07/1991	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	Phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		84	80	64	76	71	142		282	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành					
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)			
CV.0686	Nguyễn Thị Hân		13/4/1989	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CTB	84	84	76	88	79	158	20	342	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
CV.0232	Trần Văn Hai	03/02/1986		Văn phòng Sở, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình		64	Miễn	50	60	52	104		214	Văn phòng Sở, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CV.0297	Nguyễn Hữu Sang	02/07/1989		Văn phòng Sở, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái bình		76	96	61	88	91	182		331	Văn phòng Sở, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CV.1144	Hà Thị Kim Thu		22/05/1991	Phòng Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thai Bình		76	84	51	76	55	110		237	Phòng Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CV.0628	Lương Thị Chinh		08/09/1990	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	DTTS	52	80	52	76	53	106	20	254	Phòng Kế hoạch-Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CV.0302	Trần Khánh Chi		28/10/1986	Phòng Quy hoạch-Thanh tra, Chi cục Thuỷ lợi, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	88	88	84	85	170		342	Phòng Quy hoạch-Thanh tra, Chi cục Thuỷ lợi, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
CV.1174	Nguyễn Thị Vân		26/09/1985	Phòng Thanh tra, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		76	76	58	88	59	118		264	Phòng Thanh tra, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CV.1198	Nguyễn Thị Thoa		15/07/1991	Phòng Quy hoạch dân cư nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		72	88	53	88	57	114		255	Phòng Quy hoạch dân cư nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
	CV.1183	Hoàng Văn Đoan	23/08/1990		Phòng Quản lý tàu cá và Cơ sở hậu cần nghề cá, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Minh Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Minh Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình		72	80	55	52	51	102		209	Phòng Quản lý tàu cá và Cơ sở hậu cần nghề cá, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	CV.0378	Lại Thị Mừng		26/10/1991	Văn phòng Sở, Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		84	92	52	92	65	130		274	Văn phòng Sở, Sở Tài nguyên và Môi trường	
	CV.0286	Lê Trung Kiên	12/08/1990		Văn phòng Sở, Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		72	92	50	96	62	124		270	Văn phòng Sở, Sở Tài nguyên và Môi trường	
	CV.0151	Trịnh Thị Loan		12/11/1991	Chi cục Biển, Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	CBB	80	88	63	88	79	158	20	329	Chi cục Biển, Sở Tài nguyên và Môi trường	
	CV.0543	Bùi Huyền Trang		09/06/1992	Phòng Nông nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		88	92	78	92	64	128		298	Phòng Nông nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	CV.0557	Nguyễn Thị Cẩm Vân		30/10/1990	Phòng Công nghiệp - Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		88	80	77	96	63	126		299	Phòng Công nghiệp - Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	CV.0526	Phạm Xuân Thịnh	21/10/1991		Thanh tra Sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		88	84	51	68	51	102		221	Thanh tra Sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	CV.1078	Phạm Văn Hùng	17/10/1987		Thanh tra Sở, Sở Xây dựng	Xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		76	84	63	64	67	134		261	Thanh tra Sở, Sở Xây dựng	
	CV.0244	Phạm Thị Hường		10/03/1991	Văn phòng Sở, Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Phú, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		52	Miễn	60	76	50	100		236	Văn phòng Sở, Sở Giáo dục và Đào tạo	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
5	CV.0979	Nguyễn Hồ Khánh Ly		02/10/1992	Văn phòng Sở, Sở Nội vụ	Xã Hoà Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		88	88	76	88	94	188		352	Văn phòng Sở, Sở Nội vụ	
1	CV.0975	Đặng Thị Huế		12/01/1987	Ban Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		56	96	56	80	93	186		322	Ban Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ	
	CV.0986	Cao Hoài Phương		20/12/1991	Ban Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ	Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		64	84	76	68	74	148		292	Ban Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ	
	CV.0962	Nguyễn Thị Hồng Xuyến		22/04/1990	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	Xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	CHH	60	88	60	68	54	108	20	256	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	
	CV.0753	Nguyễn Đức Khương	29/07/1991		Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	Xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Cầu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		80	80	50	84	81	162		296	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	
	CV.0786	Đinh Thị Lý		22/03/1992	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	Xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		84	96	78	96	68	136		310	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	
	CV.0796	Trần Thị Phương Mai		06/09/1992	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	Xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		64	88	82	64	93	186		332	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	
	CV.0822	Nguyễn Thị Ngọc		07/07/1990	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	Xã An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		80	92	78	100	66	132		310	Thanh tra Tài chính, Sở Tài chính	
	CV.0443	Phạm Thị Thu Hiền		07/06/1990	Phòng Quản lý đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		92	92	87	88	76	152		327	Phòng Quản lý đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành					
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)			
CV.0138	Vũ Thị Dung		19/12/1992	Phòng Quản lý quy hoạch và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		84	96	53	64	51	102		219	Phòng Quản lý quy hoạch và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh
CV.0383	Lê Hồng Nhung		28/05/1991	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Phường Yết Kiêu, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		68	80	67	76	88	176		319	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh
CV.1096	Phạm Thị Phượng		20/11/1991	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		60	96	56	80	59	118		254	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương
CV.0313	Nguyễn Mạnh Hùng	13/11/1982		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kiến Xương	Xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		64	96	70	68	78	156		294	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kiến Xương
CV.1132	Mai Thị Trà		17/4/1990	Phòng Văn hóa thông tin huyện Kiến Xương	Xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình		68	76	58	84	84	168		310	Phòng Văn hóa thông tin huyện Kiến Xương
CV.0783	Đặng Thị Quỳnh Lương		22/11/1990	Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Kiến Xương	Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		76	80	64	76	79	158		298	Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Kiến Xương
CV.0971	Phạm Thị Minh Duyên		27/11/1992	Phòng Nội vụ huyện Kiến Xương	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	92	54	80	80	160		294	Phòng Nội vụ huyện Kiến Xương
CV.1041	Nguyễn Thị Ngọc Anh		28/8/1991	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà	Xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình		72	60	65	56	50	100		221	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	Đ N'
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
CV.0760	Nguyễn Thị Lành		13/02/1990	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hưng Hà	Xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình		76	92	57	84	52	104		245	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hưng Hà	
CV.0382	Đoàn Thị Nhàn		04/9/1991	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		80	88	54	64	59	118		236	Phòng Tư pháp huyện Hưng Hà	x
CV.0584	Vũ Văn Tuấn	25/9/1988		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hưng Hà	Xã Đô Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đô Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	CTB	56	76	66	88	71	142	20	316	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hưng Hà	
CV.0272	Đoàn Thị Thu		02/09/1990	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng	Xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		72	Miễn	62	88	52	104		254	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng	
CV.0972	Nguyễn Thu Hà		10/9/1991	Phòng Nội Vụ huyện Đông Hưng	Thị Trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Minh Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		68	84	63	76	74	148		287	Phòng Nội Vụ huyện Đông Hưng	
CV.0326	Lê Thị Hồng Nhung		09/06/1987	Phòng Quy hoạch-Thanh tra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		72	76	59	68	84	168		295	Phòng Công thương huyện Đông Hưng	x
CV.1231	Nguyễn Thị Huyền		27/02/1988	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	Xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		80	88	54	92	51	102		248	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đông Hưng	x
CV.0218	Bùi Diệu Anh		07/12/1992	Văn phòng Sở, Sở Giáo dục và Đào tạo	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		56	Miễn	51	60	51	102		213	Phòng Văn hóa thông tin huyện Đông Hưng	x
CV.0384	Nguyễn Thị Nhung		19/01/1990	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		92	88	78	100	87	174		352	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
CV.0385	Hoàng Thị Oanh		04/02/1989	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	Xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	CTB	64	80	75	88	57	114	20	297	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	
CV.0386	Nguyễn Hữu Quỳnh	10/6/1984		Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	Xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		68	72	63	92	75	150		305	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	
CV.0396	Nguyễn Thị Thương		27/4/1992	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	Xã Trung An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Trung An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CBB	68	76	72	64	79	158	20	314	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư	
CV.0359	Vũ Thị Thạo		11/8/1990	Phòng Lao động, thương binh và Xã hội huyện Vũ Thư	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		56	100	78	100	74	148		326	Phòng Lao động, thương binh và Xã hội huyện Vũ Thư	
CV.0630	Phạm Thị Quỳnh Diễm		01/12/1989	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Thư	Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		52	80	54	100	62	124		278	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Thư	
CV.0936	Nguyễn Thị Huyền Trang		25/7/1989	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Thư	Xã Trọng Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	88	74	96	68	136		306	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Thư	
CV.0281	Trần Thị Dung		09/10/1988	Phòng Tư pháp huyện Vũ Thư	Xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		60	88	50	80	68	136		266	Phòng Tư pháp huyện Vũ Thư	
CV.0355	Nguyễn Mạnh Tuấn	09/12/1989		Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Vũ Thư	Xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		68	80	71	64	51	102		237	Phòng Nội vụ huyện Thái Thụy	
CV.0173	Nguyễn Thị Đào		08/02/1988	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thái Thụy	Xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		72	84	89	88	86	172		349	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thái Thụy	
CV.1139	Bùi Thị Thanh Hoài		12/8/1985	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thái Thụy	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	CTB	72	72	62	80	79	158	20	320	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thái Thụy	

	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
	CV.0569	Nguyễn Phú Duy	12/01/1990		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quỳnh Phụ	Xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		64	76	58	72	51	102		232	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thái Thụy	
	CV.1225	Tạ Thị Hoài		20/3/1991	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thái Thụy	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		96	84	75	84	61	122		281	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thái Thụy	
	CV.0367	Đặng Thị Dung		20/10/1982	Văn phòng Sở, Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình		56	80	53	80	59	118		251	Phòng Nội vụ thành phố Thái Bình	
	CV.1044	Đồng Thị Thu Hương		20/08/1986	Phòng Nội vụ thành phố Thái Bình	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CTB	68	76	55	76	52	104	20	255	Phòng Nội vụ thành phố Thái Bình	
	CV.0315	Nguyễn Văn Hưởng	09/01/1986		Phòng Quy hoạch-Thanh tra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thai Bình		60	72	69	92	73	146		307	Phòng Kinh tế thành phố Thái Bình	
	CV.1283	Cao Thị Mơ		15/07/1990	Phòng Y tế thành phố Thái Bình	Xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		64	80	53	60	53	106		219	Phòng Y tế thành phố Thái Bình	
	CV.1267	Bùi Thị Thu		06/10/1990	Phòng Giao dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	Xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		60	52	72	64	80	160		296	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	
	CV.1214	Nguyễn Thị Thu Hà		26/02/1991	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		76	76	50	80	63	126		256	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	
	CV.1254	Vũ Thị Thu Phương		27/09/1989	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	Xã Đông Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		52	88	78	76	92	184		338	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình	
	CV.1103	Lê Anh Tuấn	22/01/1980		Phòng Quản lý đô thị thành phố Thái Bình	Xã Hoà Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		72	80	70	60	63	126		256	Phòng Quản lý đô thị thành phố Thái Bình	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	Đ NV
		Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
											TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
CV.1057	Hoang Mạnh Cường	18/09/1989		Phòng Quản lý đô thị thành phố Thái Bình	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		72	72	57	72	60	120		249	Phòng Quản lý đô thị thành phố Thái Bình	
CV.0583	Đồng Văn Tuân	28/11/1982		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CTB	64	84	51	84	51	102	20	257	Đội Thanh tra xây dựng và Quản lý trật tự đô thị thành phố Thái Bình	
CV.0988	Nguyễn Thu Thảo		24/09/1991	Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ	Xã Thuỵ Trường, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình		60	80	55	76	80	160		291	Đội Thanh tra xây dựng và Quản lý trật tự đô thị thành phố Thái Bình	
CV.0391	Khổng Thị Thêu		04/04/1989	Văn phòng Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CBB	64	76	73	96	92	184	20	373	Văn phòng Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ	
CV.1179	Nguyễn Thúy Chi		17/01/1985	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quỳnh Phụ	Xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây	Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CTB	52	84	51	68	83	166	20	305	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quỳnh Phụ	
CV.0574	Đỗ Thị Huê		26/03/1990	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quỳnh Phụ	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CTB	76	72	53	76	55	110	20	259	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quỳnh Phụ	
CV.0590	Dương Thu Trang		19/12/1990	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quỳnh Phụ	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	88	62	72	70	140		274	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quỳnh Phụ	
CV.0860	Bùi Thị Sao		15/06/1991	Thanh tra huyện Quỳnh Phụ	Xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		76	72	57	76	67	134		267	Thanh tra huyện Quỳnh Phụ	
CV.0759	Vũ Thị Lan		13/06/1991	Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		88	96	79	88	68	136		303	Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Quỳnh Phụ	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành					
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)			
CV.0910	Phạm Thị Thu		10/12/1990	Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		76	92	50	92	65	130		272	Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Quỳnh Phụ
CV.0968	Bùi Thị Lan Anh		10/11/1991	Phòng Nội vụ huyện Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		96	80	80	88	79	158		326	Phòng Nội vụ huyện Quỳnh Phụ
CV.0393	Vũ Thị Thuần		21/10/1982	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ	Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		80	92	71	92	86	172		335	Phòng Nội vụ huyện Quỳnh Phụ
CV.0365	Trần Thanh Bình	08/03/1988		Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	CTB	80	76	51	92	68	136	20	299	Phòng Nội vụ huyện Quỳnh Phụ
CV.0931	Trần Thị Hương Trà		25/02/1989	Phòng Tài chính -Kế hoạch huyện Quỳnh phụ	Xã Nam Sơn, huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnhThái Bình		84	80	69	76	51	102	20	267	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Quỳnh Phụ
CV.0350	Phạm Thị Hồng		25/01/1987	Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CBB	88	72	76	92	81	162	20	350	Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Quỳnh Phụ
CV.0190	Nguyễn Minh Quang	10/10/1985		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tiền Hải	Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương,tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương,tỉnh Thái Bình		60	84	63	80	74	148		291	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tiền Hải
CV.1128	Trần Thị Thanh Huệ		27/12/1987	Phòng Văn hóa thông tin huyện Kiến Xương	Xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnhThái Bình	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		64	76	50	76	65	130		256	Phòng Văn hóa thông tin huyện Tiền Hải

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí đăng ký dự tuyển	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Vị trí trúng tuyển/đơn vị	
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
CV.0361	Nguyễn Thị Thu Trang		15/11/1991	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Tiền Hải	Xã Mậu Dương, Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		68	80	65	72	85	170		307	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Tiền Hải	
CV.1274	Phạm Thị Thanh Vân		13/12/1990	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiền Hải	Xã Xuân Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Xuân Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		76	64	55	84	62	124		263	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiền Hải	

Phụ lục 3

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
									TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
			Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	CX.1136	Trần Đình Tú	23/9/1985		Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			76	67	76	53	106		249	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Đông Hưng	
	CV.1036	Nguyễn Thị Hà Thương		24/04/1991	Phòng Kế hoạch- Tài chính, Sở Công thương	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		56	84	59	92	66	132		283	Văn phòng Đảng uỷ - HĐND - thống kê, huyện Đông Hưng	x
	CV.0400	Trần Thị Hải Yến		10/6/1990	Văn phòng HĐND&UBND huyện Vũ Thư	Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	72	65	92	61	122		279	Văn phòng Đảng uỷ - HĐND - thống kê, huyện Đông Hưng	x
	CV.0435	Nguyễn Thị Hằng		20/08/1991	Phòng Quản lý đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp	Xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình		80	80	71	92	52	104		267	Văn phòng Đảng uỷ - HĐND - thống kê, huyện Đông Hưng	x
	CX.0165	Đào Thị Liễu		25/12/1989	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			92	70	96	75	150		316	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Đông Hưng	
	CX.0048	Mai Đình Diễn	07/10/1992		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			96	53	52	63	126		231	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Đông Hưng	
	CX.0192	Phí Quang Nam	15/5/1985		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			92	60	80	51	102		242	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Đông Hưng	
	CX.0209	Đặng Thị Nhàn		11/11/1990	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Hoa Lư, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Hoa Lư, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			88	51	72	54	108		231	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Đông Hưng	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV2
									TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
			Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
)	CX.0237	Phí Văn Quỳnh	03/8/1980		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			72	51	72	78	156		279	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Đông Hưng	
)	CX.0213	Bùi Thị Nhuần		04/10/1984	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			80	60	76	56	112		248	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Đông Hưng	
1	CV.0152	Bùi Thị Lựu		28/09/1988	Chi cục Biển, Sở Tài nguyên và Môi trường	Xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		68	84	58	76	54	108	20	262	Đảm nhiệm công tác Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Đông Hưng	x
2	CX.0738	Ngô Thị Phương		01/10/1985	Tài chính - kế hoạch	Xã Đông Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			84	92	88	77	154		334	Tài chính - kế hoạch, huyện Đông Hưng	
3	CX.0371	Nguyễn Thị Khánh Chi		01/01/1984	Tư pháp - hộ tịch	Xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			56	64	68	87	174		306	Tư pháp - hộ tịch, huyện Đông Hưng	
4	CX.0928	Vũ Thị Hạnh		23/4/1977	Văn hóa - thông tin - thể thao	Phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			Miễn	53	76	58	116		245	Văn hóa - thông tin - thể thao, huyện Đông Hưng	
5	CX.0982	Phạm Đình Thành	18/8/1989		Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	HTNV		76	52	68	67	134	10	264	Văn hóa - thông tin - thể thao, huyện Đông Hưng	
6	CX.0994	Phí Đức Trung	17/02/1985		Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	HTNV		76	61	96	72	144	10	311	Văn hóa - thông tin - thể thao, huyện Đông Hưng	
7	CX.0951	Nguyễn Đức Long	14/3/1982		Lao động - thương binh và xã hội, huyện Quỳnh Phụ	Xã An Quý, huyện Quỳnh Phu, tỉnh Thái Bình	Xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CBB		76	62	78	156	80	20	318	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Đông Hưng	x
8	CX.1046	Phan Thị Huế		25/01/1990	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			84	67	76	74	148		291	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ huyện Hưng Hà	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+1 5+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
19	CX.1060	Nguyễn Thị Huyền		13/10/1989	Văn phòng UBND-Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			88	60	72	54	108		240	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ huyện Hưng Hà	
20	CX.1074	Nguyễn Thị My		01/3/1990	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	Xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			80	50	52	104	80		234	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Hưng Hà	x
1	CX.1024	Doãn Thị Duyên		05/05/1980	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	KCT		72	66	88	62	124	10	288	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	
2	CX.1038	Nguyễn Thị Hoa		01/3/1991	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	Xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			72	51	100	54	108		259	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	
3	CX.1082	Nguyễn Thị Ngọc		26/12/1986	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	Xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	KCT		68	56	72	52	104	10	242	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	
4	CX.1107	Hoàng Văn Thắng	18/12/1973		Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	Xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	HTNV		92	52	100	71	142	10	304	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Hưng Hà	
5	CX.0188	Nguyễn Thị My		10/8/1987	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			88	53	72	59	118		243	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Hưng Hà	
6	CX.0247	Trần Thị Tâm		08/3/1990	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Thái Hưng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Hưng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			96	52	56	50	100		208	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Hưng Hà	
	CX.0273	Lê Thị Thuý Thu		03/5/1983	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Tản Hồng, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			80	67	96	68	136		299	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Hưng Hà	
	CX.0113	Nguyễn Ngọc Hoàng	21/7/1986		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			84	55	92	50	100		247	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Hưng Hà	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
									TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
			Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CX 0309	Nguyễn Dặng Toản	07/10/1991		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			76	64	80	61	122		266	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Hưng Hà	
0	CX.0332	Bùi Xuân Trượng	30/9/1989		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			64	69	84	50	100		253	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Hưng Hà	
1	CV 0150	Nguyễn Thị Huyền Loan		18/06/1991	Phòng Kỹ thuật, an toàn môi trường, Sở Công thương	Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng		56	76	53	80	66	132		265	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Hưng Hà	x
2	CX.0474	Hà Mạnh Cường	10/7/1979		Tài chính - kế hoạch - kế toán	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	HTNV		76	58	84	78	156	10	308	Tài chính - kế hoạch - kế toán, huyện Hưng Hà	
3	CX.0630	Phạm Thị Thu Huyền		26/4/1990	Kế toán	Xã Chí Hoà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Chí Hoà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			84	62	92	70	140		294	Kế toán, huyện Hưng Hà	
4	CX.0676	Vũ Thị Măng		12/9/1991	Tài chính - kế hoạch	Xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			68	81	56	64	128		265	Tài chính - kế hoạch, huyện Hưng Hà	
5	CX.0414	Nguyễn Công Nhật	12/11/1978		Quân sự	Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	HTNV		64	57	64	60	120	10	251	Quân sự, huyện Hưng Hà	
6	CX 0980	Phạm Thị Thanh		06/12/1991	Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			84	55	72	56	112		239	Văn hóa - thông tin - thể thao, huyện Hưng Hà	
7	CX.1003	Phan Thị Xuân		17/6/1988	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			96	71	92	76	152		315	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Hưng Hà,	
8	CV.0379	Đinh Ngọc Nam	30/01/1991		Văn phòng HĐND&UBND huyện Vũ Thư	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		68	92	60	80	51	102		242	Văn phòng Đảng uỷ - HĐND - thống kê, huyện Kiến Xương	x

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
									TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
			Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CX.0325	Vũ Thành Trung	25/03/1990		Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Tây, Huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			88	60	100	57	114		274	Địa chính - nông nghiệp -thuỷ lợi và môi trường, huyện Kiến Xương	
0	CV.0328	Phùng Thế Quang	17/9/1981		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện Kiến Xương	Xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã An Bồi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		56	76	61	80	74	148		289	Địa chính - nông nghiệp -thuỷ lợi và môi trường, huyện Kiến Xương	x
1	CX.0250	Vũ Xuân Thái	29/11/1987		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			80	70	60	50	100		230	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Kiến Xương	
2	CX.0294	Trần Xuân Thủy	16/10/1985		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Quốc Tuấn, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			68	57	60	52	104		221	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Kiến Xương	
3	CX.0310	Nguyễn Đăng Toàn	11/10/1984		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	HTNV		64	51	60	53	106	10	227	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Kiến Xương	
4	CX.0330	Phạm Xuân Trường	30/6/1989		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			72	73	76	51	102		251	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Kiến Xương	
5	CX.0118	Vũ Thị Hợp		04/10/1992	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Kiến Xương	Xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Hòa Bình, Huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			92	51	51	102	88		241	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Kiến Xương	x
6	CV.1073	Nguyễn Thị Hằng		02/04/1989	Phòng Quản lý đô thị, thành phố Thái Bình	Xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		72	84	52	72	51	102		226	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Kiến Xương	x
7	CX.0775	Đặng Thị Thắm		10/9/1990	Kế toán	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			84	50	72	84	168		290	Kế toán, huyện Kiến Xương	
8	CX.0977	Đỗ Quyết Thắng	16/8/1989		Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			68	62	60	66	132		254	Văn hóa - thông tin - thể thao, huyện Kiến Xương	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CX.0961	Nguyễn Thị Nguyệt		21/9/1988	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Hòa Bình, Huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			96	67	96	76	152		315	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Kiến Xương	
0	CX.0976	Bùi Thị Thắm		06/02/1986	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Vũ Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Quang Lịch, Huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình			96	86	92	80	160		338	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Kiến Xương	
1	CX 0995	Phạm Ngọc Tú	10/5/1988		Lao động - thương binh và xã hội	Xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thai Bình			92	56	100	82	164		320	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Kiến Xương	
2	CV.0369	Đoàn Thu Giang		11/11/1990	Văn phòng HĐND&UBND, huyện Vũ Thư	Xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		76	84	65	68	62	124		257	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Kiến Xương	x
3	CX.1124	Nguyễn Thị Thuyến		14/11/1983	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	KCT		56	52	56	51	102	10	220	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Quỳnh Phụ	
4	CX 0292	Vũ Thị Thùy		24/01/1989	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			64	71	72	59	118		261	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Quỳnh Phụ	
5	CX.0125	Nguyễn Hữu Hùng	08/9/1984		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			80	50	64	54	108		222	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Quỳnh Phụ	
6	CX.0199	Lưu Thị Ngát		16/8/1990	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			88	51	64	60	120		235	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Quỳnh Phụ	
7	CX.0252	Nguyễn Thị Thắm		11/10/1990	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			84	78	76	81	162		316	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Quỳnh Phụ	
8	CV.0586	Bùi Thị Thảo		08/01/1986	Phòng Tài nguyên và môi trường, huyện Quỳnh Phụ	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình		60	76	66	72	59	118		256	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Quỳnh Phụ	x

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đề NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CX.0653	Nguyễn Thị Lan Linh		18/12/1991	Tài chính - kế hoạch	Xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			92	73	92	87	174		339	Tài chính - kế hoạch, huyện Quỳnh Phụ	
0	CX.0511	Nguyễn Thị Hà		23/02/1985	Kế toán	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnhThái Bình	CBB		80	68	64	74	148	20	300	Kế toán, huyện Quỳnh Phụ	
1	CX 0762	Hoàng Thi Roãn		11/5/1982	Kế toán	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	CBB		64	67	76	88	176	20	339	Kế toán, huyện Quỳnh Phụ	
2	CX.0406	Nguyễn Văn Lợi	01/7/1987		Quân sự	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	HTNV		68	59	64	54	108	10	241	Quân sự, huyện Quỳnh Phụ	
3	CX.0933	Nguyễn Thị Hoài		12/9/1991	Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			64	59	64	71	142		265	Văn hóa - thông tin - thể thao, huyện Quỳnh Phụ	
4	CX.0981	Mai Đạt Thành	28/02/1985		Lao động - thương binh và xã hội	Xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	CLS		72	64	84	78	156	20	324	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Quỳnh Phụ	
5	CX.1010	Đỗ Quang Bắc	07/6/1993		Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	71	88	78	156		315	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	
6	CX.1019	Vũ Thị Dung		03/7/1992	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	61	80	74	148		289	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	
	CX.1103	Nguyễn Thị Sơn		07/7/1982	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			92	70	96	66	132		298	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	
	CX.0825	Bùi Thị Thuỷ		18/5/1987	Tài chính - kế hoạch, huyện Quỳnh Phụ	Xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			60	65	68	136	88		289	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	x

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đ NT
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
59	CX.0848	Bùi Thị Toan		19/4/1991	Tài chính - kế hoạch, huyện Đông Hưng,	Xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			64	61	58	116	88		265	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	x
0	CX.0520	Nguyễn Thị Hân		20/9/1982	Kế toán, huyện Hưng Hà	xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	CTB		80	50	52	104	64	20	238	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	x
1	CX.0814	Trần Thị Thu		28/11/1991	Tài chính - kế hoạch - kế toán, thành phố Thái Bình	Xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Đông, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			92	58	81	162	100		320	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	x
2	CX.0812	Phạm Thị Thu		18/4/1986	Tài chính - kế hoạch, huyện Đông Hưng,	Xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình			96	61	81	162	96		319	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Thái Thụy	x
3	CX.1026	Phạm Thị Hà		11/02/1991	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			88	58	92	65	130		280	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thụy	
4	CX.1031	Trần Thị Hằng		16/8/1974	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	KCT		64	54	76	52	104	10	244	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thụy	
5	CX.1121	Phạm Thị Thương		15/11/1979	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	KCT		80	54	76	58	116	10	256	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thụy	
6	CX.1133	Phạm Thùy Trang		20/10/1983	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	55	80	69	138		273	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thụy	
7	CX.1126	Nguyễn Thanh Trà		28/8/1988	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			76	54	92	68	136		282	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thụy	
8	CV.1038	Nguyễn Thị Khánh Vân		06/12/1992	Phòng Xuất nhập khẩu - Hội nhập kinh tế, Sở Công thương	Xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Diêm điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		92	84	60	80	74	148		288	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thụy	x

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+1 5+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CV.0395	Lê Thị Thu Thủy		02/8/1991	Văn phòng HĐND&UBND huyện Vũ Thư	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình		56	88	55	80	56	112		247	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thuy	x
0	CV.0459	Bùi Thu Hương		05/09/1990	Phòng Nông nghiệp, Sở Kế hoạch và đầu tư	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		84	68	54	72	51	102		228	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Thái Thuy	x
1	CX.0089	Vũ Thị Hà		14/08/1992	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			72	50	56	51	102		208	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Thái Thuy	
2	CX.0312	Phạm Thùy Trang		11/6/1991	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thụy Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	70	92	53	106		268	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Thái Thuy	
3	CX.0004	Nguyễn Thi Vân Anh		29/9/1986	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			96	54	76	68	136		266	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Thái Thuy	
4	CX.0080	Nguyễn Duy	28/6/1978		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Chính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	KCT		84	51	64	50	100	10	225	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Thái Thuy	
5	CX.0153	Nguyễn Đức Khiêm	08/12/1991		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			76	64	92	53	106		262	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Thái Thuy	
6	CX.0156	Hoàng Văn Kiên	15/10/1986		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình			92	69	84	58	116		269	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Thái Thuy	
7	CV.0403	Lê Thị Ngọc Anh		04/02/1992	Phòng Nông nghiệp, Sở Kế hoạch và đầu tư	Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		68	64	52	72	61	122		246	Phát triển kinh tế thuỷ sản - lâm sinh, huyện Thái Thuy	x
8	CX.0388	Hoàng Thị Kim Hoa		20/8/1975	Tư pháp - hộ tịch	Xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	CTB		84	63	76	55	110	20	269	Tư pháp - hộ tịch, huyện Thái Thuy	

SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+1 5+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV2
								TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
		Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
CX.0400	Phạm Văn Khiến	27/12/1974		Tư pháp - hộ tịch	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			52	75	76	51	102		253	Tư pháp - hộ tịch, huyện Thái Thuỵ	
CX.0420	Nguyễn Văn Phước	17/5/1986		Tư pháp - hộ tịch	Xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	HTNV		88	71	88	57	114	10	283	Tư pháp - hộ tịch, huyện Thái Thuỵ	
CX.0433	Vũ Thị Thúy		17/5/1986	Tư pháp - hộ tịch	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	KCT		Miễn	50	84	52	104	10	248	Tư pháp - hộ tịch, huyện Thái Thuỵ	
CX.0389	Vũ Ngọc Họa	02/10/1989		Quân sự	Xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			68	69	80	58	116		265	Quân sự, huyện Thái Thuỵ	
CX.0909	Nguyễn Thị Anh		15/01/1990	Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	68	88	69	138		294	Văn hoá - thông tin - thể thao, huyện Thái Thuỵ	
CX.0915	Ngô Văn Đại	27/6/1989		Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Thái Thịnh, huyệnThái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Thịnh, huyệnThái Thụy, tỉnh Thái Bình			80	57	88	54	108		253	Văn hoá - thông tin - thể thao, huyện Thái Thuỵ	
CX.0963	Đỗ Thị Nhung		20/3/1981	Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			96	81	100	82	164		345	Văn hoá - thông tin - thể thao, huyện Thái Thuỵ	
CV.0344	Nguyễn Thị Dung		20/01/1986	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, huyện Tiền Hải	Xã Thái Hoà, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình	Xã Thái Hoà, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình		60	72	52	84	55	110	20	266	Văn hoá - thông tin - thể thao, huyện Thái Thuỵ	x
CX.0912	Nguyễn Thị Bình		18/5/1991	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	50	88	66	132		270	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Thai Thuỵ	
CX.0932	Nguyễn Bá Hiện	08/8/1992		Lao động - thương binh và xã hội	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình			72	52	64	62	124		240	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Thái Thuỵ	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CX.0938	Đỗ Thị Huyền		28/7/1987	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Liêm Chính, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			72	71	80	60	120		271	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Thái Thụy	
0	CX.0940	Vũ Thị Huyền		23/6/1988	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	CBB		80	52	84	59	118	20	274	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Thái Thụy	
1	CX.1004	Nguyễn Thị Yến		20/12/1991	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			88	72	96	75	150		318	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Thái Thụy	
2	CX.0574	Trần Thị Hoài		26/7/1990	Tài chính - kế hoạch - kế toán, thành phố Thái Bình	Xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			88	50	51	102	88		240	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Tiền Hải	x
3	CX.1014	Trần Xuân Đạt	19/9/1979		Văn phòng đảng ủy, HĐND, thống kê	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	HTNV		96	75	100	81	162	10	347	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Tiền Hải	
4	CX.1041	Trần Thị Thanh Hoa		20/4/1989	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			68	71	72	65	130		273	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Tiền Hải	
5	CX.1048	Vũ Thị Huệ		23/4/1984	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	CBB		68	71	84	61	122	20	297	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Tiền Hải	
6	CX.1073	Phan Thị Mùi		01/10/1991	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			88	58	84	70	140		282	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Tiền Hải	
7	CX.1118	Hà Thị Thu		08/02/1992	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Tây An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			64	51	72	52	104		227	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Tiền Hải	
8	CX.0187	Trần Thị Mỹ		07/12/1991	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			84	61	92	51	102		255	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Tiền Hải	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
									TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
			Nam	Nữ								TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CV.0188	Nguyễn Thị Nhung		24/11/1991	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, huyện Tiền Hải	Xã Yên Hưng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Xã Yên Hưng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình		80	72	58	92	61	122		272	Phát triển kinh tế thuỷ sản - lâm sinh, huyện Tiền Hải	x
0	CX.0381	Nguyễn Thị Gấm		15/01/1991	Tư pháp - hộ tịch	Xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	KCT		88	75	84	57	114	10	283	Tư pháp - hộ tịch, huyện Tiền Hải	
1	CX.0949	Nguyễn Thị Loan		06/9/1990	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Tiền Hải	Xã Thuỵ Thanh, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình	Xã Nam Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			56	60	81	162	68		290	Văn hoá - thông tin - thể thao, huyện Tiền Hải	x
2	CX.0986	Nguyễn Thị Thư		19/02/1990	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Kim Khê, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Xã Nam Cường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình			76	64	88	92	184		336	Lao động - thương binh và xã hội, huyện Tiền Hải	
3	CX.1047	Tạ Thị Kim Huệ		24/01/1986	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CTB		68	55	88	59	118	20	281	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Vũ Thư	
4	CX.1119	Nguyễn Thị Thu		08/02/1988	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			64	66	64	58	116		246	Văn phòng UBND - Nội vụ - Thủ quỹ, huyện Vũ Thư	
5	CX.1132	Phạm Thị Thu Trang		04/9/1991	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê	Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			88	69	80	66	132		281	Văn phòng Đảng ủy - HĐND - thống kê, huyện Vũ Thư	
6	CX.0224	Phạm Minh Phú	20/3/1981		Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			92	84	92	67	134		310	Địa chính - nông nghiệp -thuỷ lợi và môi trường, huyện Vũ Thư	
7	CX.0233	Lại Quang Quý	04/02/1980		Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CBB		60	62	76	65	130	20	288	Địa chính - nông nghiệp -thuỷ lợi và môi trường, huyện Vũ Thư	
8	CX.0087	Nguyễn Thị Hà		08/12/1987	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình			72	73	92	50	100		265	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
9	CX 0329	Nguyễn Đức Trường	30/8/1986		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			68	74	72	61	122		268	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	
0	CX.0293	Bùi Thị Thanh Thủy		04/1/1982	Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CTB		64	69	52	65	130	20	271	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	
1	CX.0343	Nguyễn Văn Tuấn	10/3/1985		Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Vũ Thư	Xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	HTNV		92	72	55	110	96	10	288	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	x
2	CX.0205	Trần Thị Nguyệt		24/10/1984	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Vũ Thư	Xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	CBB		72	56	51	102	64	20	242	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	x
3	CX.0291	Trần Thị Phương Thúy		07/11/1991	Địa chính - nông nghiệp - thuỷ lợi và môi trường, huyện Vũ Thư	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			84	57	53	106	76		239	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	x
4	CV.0167	Vũ Thị Thúy		17/11/1984	Phòng Kỹ thuật, an toàn môi trường, Sở Công thương	Xã Đô Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình		64	56	69	76	56	112		257	Xây dựng - giao thông - công thương, huyện Vũ Thư	x
5	CX.0484	Nguyễn Thị Dinh		07/02/1984	Kế toán	Xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình			84	73	88	71	142		303	Kế toán, huyện Vũ Thư	
6	CX.0409	Nguyễn Thị Lương		27/7/1991	Tư pháp - hộ tịch	Xã Trung An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Trung An, Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			80	64	88	59	118		270	Tư pháp - hộ tịch, huyện Vũ Thư	
	CX.0415	Nguyễn Thị Hồng Nhung		07/02/1991	Công chứng - chứng thực, thành phố Thái Bình	Xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			68	51	60	120	72		243	Tư pháp - hộ tịch, huyện Vũ Thư	x
	CX.0399	Nguyễn Đức Khiên	21/02/1973		Quân sự	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	HTNV		72	70	52	56	112	10	244	Quân sự, huyện Vũ Thư	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12 +13+1 5+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đ N
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
29	CX.0931	Trần Thị Hiền		26/11/1988	Văn hóa - thông tin - thể thao	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	KCT		80	78	80	62	124	10	292	Văn hoa - thông tin - thể thao, huyện Vũ Thư	
30	CX.0937	Nguyễn Quốc Hưng	20/8/1969		Lao động - thương binh và xã hội	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	HTNV		76	58	52	52	104	10	224	Lao động - thương binh - xã hội, huyện Vũ Thư	
31	CX.0945	Nguyễn Thị Thùy Linh		23/8/1991	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			96	55	76	72	144		275	Lao động - thương binh - xã hội, huyện Vũ Thư	
32	CX.0149	Phan Văn Khánh	14/12/1982		Xây dựng - giao thông - công thương	Xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			76	50	92	53	106		248	Xây dựng - giao thông - công thương, thành phố Thái Bình	
33	CV.0140	Nguyễn Thị Hà		15/09/1986	Phòng Kỹ thuật, an toàn môi trường, Sở Công thương	Xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình		80	76	52	68	54	108		228	Xây dựng - giao thông - công thương, thành phố Thái Bình	x
34	CX.0538	Đặng Thị Hiên		08/8/1990	Tài chính - kế hoạch - kế toán	Xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	CTB		80	51	96	79	158	20	325	Tài chính - kế hoạch - kế toán, thành phố Thái Bình	
35	CX.0416	Đặng Kim Oanh		08/11/1991	Công chứng - chứng thực	Xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			88	51	88	58	116		255	Công chứng - chứng thực, thành phố Thái Bình	
36	CX.0417	Vũ Văn Pho	28/3/1989		Công chứng - chứng thực	Xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Xã Văn Lang, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình			88	74	92	56	112		278	Công chứng - chứng thực, thành phố Thái Bình	
37	CX.0387	Nguyễn Văn Hiển	19/6/1983		Tư pháp - hộ tịch, huyện Đông Hưng	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	KCT		76	69	58	116	80	10	275	Công an, huyện Đông Hưng	x
38	CX.0374	Đặng Ngọc Đảm	29/7/1977		Quân sự	Xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	CHH		76	54	56	64	128	20	258	Quân sự, thành phố Thái Bình	

	SBD	Họ và tên	Ngày sinh		Thí sinh đăng ký dự tuyển chức danh công chức vào Cơ quan đơn vị/đảm nhiệm công tác	Quê quán (Xã, huyện, tỉnh)	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm thi các môn						điểm ưu tiên	Tổng số điểm (17=12+13+15+16)	Trúng tuyển vào vị trí việc làm thuộc đơn vị	Đỗ NV
			Nam	Nữ					TN Ngoại ngữ	TN Tin học	Kiến thức chung	NV chuyên ngành						
												TN chuyên ngành	Thi viết	Thi viết (hệ số 2)				
)	CV.1125	Phạm Thị Hà		05/3/1988	Phòng Văn hóa thông tin huyện Kiến Xương	Xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình, tỉnhThái Bình		56	64	67	88	63	126	20	301	Văn hoá - thông tin - thể thao, thành phố Thái Bình	x
)	CX.0952	Lê Thị Ly		10/7/1991	Lao động - thương binh và xã hội	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình			92	62	76	53	106		244	Lao động - thương binh và xã hội, thanh phố Thái Bình	